

UBND TỈNH HUNG YÊN  
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-QLN

Hung Yên, ngày tháng 5 năm 2026

Về việc thông báo đủ điều kiện kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai đối với các căn hộ nhà ở xã hội thuộc Tòa nhà số 02 (DS2), Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên)

Kính gửi: Công ty cổ phần Damsan.

Sở Xây dựng nhận được Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ số H31.09-260511-170013 ngày 11/5/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kèm theo Văn bản số 115/CV-DS ngày 11/5/2026 của Công ty cổ phần Damsan về việc thông báo đủ điều kiện kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai cho 273 căn nhà ở xã hội và 18 căn kinh doanh dịch vụ, thương mại thuộc Nhà số 02 (DS2), Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên).

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2023; Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, tài liệu của dự án, Sở Xây dựng thông báo đủ điều kiện kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai đối với các căn hộ nhà ở xã hội thuộc Tòa nhà số 02 (DS2), Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên) như sau:

### **I. Thông tin về dự án, công trình**

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình.

2. Địa chỉ: Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Damsan.

4. Quy mô dự án:

4.1. Tổng diện tích khu đất theo chủ trương đầu tư được phê duyệt là: 12.858,2 m<sup>2</sup>. Trong đó:

- Diện tích đất xây dựng: 4.857,5 m<sup>2</sup>
- Diện tích cây xanh, mặt nước: 2.732,7 m<sup>2</sup>
- Diện tích sân đường nội bộ: 5.268,0 m<sup>2</sup>

#### 4.2. Ranh giới khu đất thực hiện dự án:

- Phía Tây Bắc: Giáp tuyến đường quy hoạch rộng 16,5 m;
- Phía Đông Nam: Giáp tuyến đường quy hoạch rộng 13,5m;
- Phía Đông Bắc: Giáp đường Lý Bôn;
- Phía Tây Nam: Giáp tuyến đường quy hoạch 11,5m.

#### 4.3. Quy mô dân số: (1.550 ÷ 1.850) người.

4.4. Số lượng các loại nhà ở: Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng 02 tòa nhà ở xã hội dạng chung cư (quy mô mỗi toà 15 tầng và 01 tầng hầm) với tổng số 546 căn nhà ở xã hội. Trong đó: Tòa nhà số 01 gồm 273 căn nhà ở xã hội và diện tích sàn kinh doanh dịch vụ, thương mại; Tòa nhà số 02 gồm 273 căn nhà ở xã hội và diện tích sàn kinh doanh dịch vụ, thương mại.

#### 4.5. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

- Đối với các căn nhà ở xã hội: Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh theo quy định của pháp luật; Dự án không thuộc diện được phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu nhà ở.

- Đối với sàn kinh doanh dịch vụ, thương mại: Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Tiến độ thực hiện: 24 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định giao đất cho Nhà đầu tư thực hiện dự án.

## II. Pháp lý của dự án

### 1. Thông tin pháp lý về hồ sơ thủ tục đầu tư của Dự án

- Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình của Công ty cổ phần Damsan.

- Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình của Công ty cổ phần Damsan.

### 2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của Dự án

- Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình; Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 01/8/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 15/05/2017, Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân

cur xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình; Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 10/7/2019, Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình.

- Quyết định số 208/QĐ-DS ngày 20/8/2025 của Công ty cổ phần Damsan về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

- Quyết định số 0511/QĐ-DS ngày 05/11/2025 của Công ty cổ phần Damsan về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

- Giấy phép xây dựng số 44/2025/GPXD ngày 07/11/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên cấp cho Công ty Cổ phần Damsan thi công xây dựng công trình Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình.

### **3. Thông tin về đất đai của dự án**

- Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Damsan để thực hiện Dự án phát triển nhà ở khu dân cư tại xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình (trong đó có diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội); Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Damsan để thực hiện dự án phát triển nhà ở khu dân cư tại xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình cũ (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, số AA 00933699 do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29/10/2025.

### **III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được kinh doanh**

1. Nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được kinh doanh là 273 căn nhà ở xã hội thuộc Tòa nhà số 02 (DS2), Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên). Đối với diện tích sàn thương mại, dịch vụ, chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư có thực hiện thế chấp dự án tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Chủ đầu tư thực hiện giải chấp theo từng sản phẩm nhà ở trước khi ký kết hợp đồng mua bán với khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.

*(Có thông tin chi tiết các căn hộ kèm theo)*

#### **IV. Điều kiện nhà ở hình thành trong tương lai đáp ứng điều kiện để được kinh doanh**

- Về việc đăng tải: Thông tin về dự án được chủ đầu tư đăng tải trên Website của doanh nghiệp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, số AA 00933699 do Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên cấp ngày 29/10/2025 cho Công ty Cổ phần Damsan.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên được Công ty cổ phần Damsan phê duyệt tại Quyết định số 0511/QĐ-DS ngày 05/11/2025.

- Giấy phép xây dựng số 44/2025/GPXD ngày 07/11/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên cấp cho Công ty Cổ phần Damsan thi công xây dựng công trình Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình.

- Thông báo số 79/TB-DS ngày 07/11/2025 của Công ty Cổ phần Damsan về việc Thông báo khởi công xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình.

- Thông báo số 246/TB-SXD ngày 26/10/2021 của Sở Xây dựng Thái Bình về kết quả kiểm tra sự tuân thủ quy định pháp luật về công tác nghiệm thu hoàn thành công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình.

- Công trình đã được nghiệm thu hoàn thành xây dựng phần móng tòa nhà theo quy định của pháp luật về xây dựng tại các văn bản:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, số: BBNTHTHM/COCTN/01 gói thầu ép cọc thí nghiệm cọc bê tông ly tâm PHC D600A ngày 07/12/2025 giữa Công ty cổ phần Damsan (Chủ đầu tư); Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (đơn vị tư vấn giám sát); Công ty cổ phần 1285 (nhà thầu thi công).

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, số: BBNTHTHM/COCDT/01 gói thầu cung cấp và thi công cọc ly tâm PHC-A D600 ngày 10/3/2026 giữa Công ty cổ phần Damsan (Chủ đầu tư); Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (đơn vị tư vấn giám sát); Công ty cổ phần 1285 (nhà thầu thi công).

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, số: 01/NTHTGĐTC/TOA2/HAM ngày 28/4/2026 giữa Công ty cổ phần Damsan (Chủ đầu tư); Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (đơn vị tư vấn giám sát); Công ty cổ phần xây dựng Đức Dũng Thái Bình (nhà thầu thi công).

+ Các tài liệu khác có liên quan.

- Qua kiểm tra, các hạng mục công trình được thi công xây dựng đảm bảo tương ứng theo tiến độ thực hiện dự án.

## **V. Trách nhiệm, yêu cầu đối với chủ đầu tư dự án**

- Chịu trách nhiệm đối với các thông tin về dự án, chủ đầu tư, nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đầy đủ, chính xác, trung thực.

- Chịu trách nhiệm về bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng đủ điều kiện để được bán theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản; thực hiện đúng các nguyên tắc kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai quy định tại Điều 23 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các quy định khác có liên quan.

- Ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; việc thanh toán trong mua bán nhà ở hình thành trong tương lai thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật liên quan và theo nội dung Hợp đồng chuyển nhượng.

## **VI. Đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản cấp tỉnh**

- Yêu cầu Chủ đầu tư trước khi ký hợp đồng mua bán nhà ở với khách hàng phải cung cấp đầy đủ thông tin, các loại giấy tờ theo quy định cho người mua; thực hiện việc giải chấp và các nội dung về bảo lãnh trong bán nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức thi công xây dựng và hoàn thành công trình tuân thủ theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt và tuân thủ nội dung hợp đồng bán nhà ở hình thành trong tương lai đã ký kết với người mua.

Trên đây là thông báo của Sở Xây dựng về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được kinh doanh đối với các căn hộ nhà ở xã hội thuộc Tòa nhà số 02 (DS2), Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên). Đề nghị Công ty cổ phần Damsan thực hiện theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đồng chí Giám đốc Sở (báo cáo);
- Webservice của Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QL, (Q).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Việt Anh**

UBND TỈNH HƯNG YÊN  
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### DANH MỤC

**Nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được kinh doanh thuộc Tòa nhà số 02 (DS2), Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đất quy hoạch khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên)**

(Kèm theo Công văn số /SXD-QLN ngày /5/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Mã căn	Loại căn hộ	Tầng số	Diện tích thông thủy (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	DS2-301	A3-NOXH	3	69,1	
2	DS2-302	G3-NOXH	3	36,0	
3	DS2-303	C3-NOXH	3	63,4	
4	DS2-304	C3-NOXH	3	63,4	
5	DS2-305	C3-NOXH	3	63,4	
6	DS2-306	F3-NOXH	3	46,6	
7	DS2-307	B3-NOXH	3	73,2	
8	DS2-308	A3-NOXH	3	69,1	
9	DS2-309	A3-NOXH	3	69,1	
10	DS2-310	C3-NOXH	3	63,4	
11	DS2-311	C3-NOXH	3	63,4	
12	DS2-312	E3-NOXH	3	53,5	
13	DS2-313	D3-NOXH	3	63,1	
14	DS2-314	C3-NOXH	3	63,4	
15	DS2-315	C3-NOXH	3	63,4	
16	DS2-316	C3-NOXH	3	63,4	
17	DS2-317	C3-NOXH	3	63,4	
18	DS2-318	C3-NOXH	3	63,4	
19	DS2-319	C3-NOXH	3	63,4	
20	DS2-320	C3-NOXH	3	63,4	

<b>STT</b>	<b>Mã căn</b>	<b>Loại căn hộ</b>	<b>Tầng số</b>	<b>Diện tích thông thủy (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
21	DS2-321	A3-NOXH	3	69,1	
22	DS2-401	A4-NOXH	4	69,7	
23	DS2-402	G4-NOXH	4	36,2	
24	DS2-403	C4-NOXH	4	63,8	
25	DS2-404	C4-NOXH	4	63,8	
26	DS2-405	C4-NOXH	4	63,8	
27	DS2-406	F4-NOXH	4	46,9	
28	DS2-407	B4-NOXH	4	73,8	
29	DS2-408	A4-NOXH	4	69,7	
30	DS2-409	A4-NOXH	4	69,7	
31	DS2-410	C4-NOXH	4	63,8	
32	DS2-411	C4-NOXH	4	63,8	
33	DS2-412	E4-NOXH	4	53,9	
34	DS2-413	D4-NOXH	4	63,6	
35	DS2-414	C4-NOXH	4	63,8	
36	DS2-415	C4-NOXH	4	63,8	
37	DS2-416	C4-NOXH	4	63,8	
38	DS2-417	C4-NOXH	4	63,8	
39	DS2-418	C4-NOXH	4	63,8	
40	DS2-419	C4-NOXH	4	63,8	
41	DS2-420	C4-NOXH	4	63,8	
42	DS2-421	A4-NOXH	4	69,7	
43	DS2-501	A5-NOXH	5	69,7	
44	DS2-502	G5-NOXH	5	36,2	
45	DS2-503	C5-NOXH	5	63,8	
46	DS2-504	C5-NOXH	5	63,8	
47	DS2-505	C5-NOXH	5	63,8	
48	DS2-506	F5-NOXH	5	46,9	
49	DS2-507	B5-NOXH	5	73,8	

<b>STT</b>	<b>Mã căn</b>	<b>Loại căn hộ</b>	<b>Tầng số</b>	<b>Diện tích thông thủy (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
50	DS2-508	A5-NOXH	5	69,7	
51	DS2-509	A5-NOXH	5	69,7	
52	DS2-510	C5-NOXH	5	63,8	
53	DS2-511	C5-NOXH	5	63,8	
54	DS2-512	E5-NOXH	5	53,9	
55	DS2-513	D5-NOXH	5	63,6	
56	DS2-514	C5-NOXH	5	63,8	
57	DS2-515	C5-NOXH	5	63,8	
58	DS2-516	C5-NOXH	5	63,8	
59	DS2-517	C5-NOXH	5	63,8	
60	DS2-518	C5-NOXH	5	63,8	
61	DS2-519	C5-NOXH	5	63,8	
62	DS2-520	C5-NOXH	5	63,8	
63	DS2-521	A5-NOXH	5	69,7	
64	DS2-601	A6-NOXH	6	69,7	
65	DS2-602	G6-NOXH	6	36,2	
66	DS2-603	C6-NOXH	6	63,8	
67	DS2-604	C6-NOXH	6	63,8	
68	DS2-605	C6-NOXH	6	63,8	
69	DS2-606	F6-NOXH	6	46,9	
70	DS2-607	B6-NOXH	6	73,8	
71	DS2-608	A6-NOXH	6	69,7	
72	DS2-609	A6-NOXH	6	69,7	
73	DS2-610	C6-NOXH	6	63,8	
74	DS2-611	C6-NOXH	6	63,8	
75	DS2-612	E6-NOXH	6	53,9	
76	DS2-613	D6-NOXH	6	63,6	
77	DS2-614	C6-NOXH	6	63,8	
78	DS2-615	C6-NOXH	6	63,8	

<b>STT</b>	<b>Mã căn</b>	<b>Loại căn hộ</b>	<b>Tầng số</b>	<b>Diện tích thông thủy (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
79	DS2-616	C6-NOXH	6	63,8	
80	DS2-617	C6-NOXH	6	63,8	
81	DS2-618	C6-NOXH	6	63,8	
82	DS2-619	C6-NOXH	6	63,8	
83	DS2-620	C6-NOXH	6	63,8	
84	DS2-621	A6-NOXH	6	69,7	
85	DS2-701	A7-NOXH	7	69,7	
86	DS2-702	G7-NOXH	7	36,2	
87	DS2-703	C7-NOXH	7	63,8	
88	DS2-704	C7-NOXH	7	63,8	
89	DS2-705	C7-NOXH	7	63,8	
90	DS2-706	F7-NOXH	7	46,9	
91	DS2-707	B7-NOXH	7	73,8	
92	DS2-708	A7-NOXH	7	69,7	
93	DS2-709	A7-NOXH	7	69,7	
94	DS2-710	C7-NOXH	7	63,8	
95	DS2-711	C7-NOXH	7	63,8	
96	DS2-712	E7-NOXH	7	53,9	
97	DS2-713	D7-NOXH	7	63,6	
98	DS2-714	C7-NOXH	7	63,8	
99	DS2-715	C7-NOXH	7	63,8	
100	DS2-716	C7-NOXH	7	63,8	
101	DS2-717	C7-NOXH	7	63,8	
102	DS2-718	C7-NOXH	7	63,8	
103	DS2-719	C7-NOXH	7	63,8	
104	DS2-720	C7-NOXH	7	63,8	
105	DS2-721	A7-NOXH	7	69,7	
106	DS2-801	A8-NOXH	8	69,7	
107	DS2-802	G8-NOXH	8	36,2	

<b>STT</b>	<b>Mã căn</b>	<b>Loại căn hộ</b>	<b>Tầng số</b>	<b>Diện tích thông thủy (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
108	DS2-803	C8-NOXH	8	63,8	
109	DS2-804	C8-NOXH	8	63,8	
110	DS2-805	C8-NOXH	8	63,8	
111	DS2-806	F8-NOXH	8	46,9	
112	DS2-807	B8-NOXH	8	73,8	
113	DS2-808	A8-NOXH	8	69,7	
114	DS2-809	A8-NOXH	8	69,7	
115	DS2-810	C8-NOXH	8	63,8	
116	DS2-811	C8-NOXH	8	63,8	
117	DS2-812	E8-NOXH	8	53,9	
118	DS2-813	D8-NOXH	8	63,6	
119	DS2-814	C8-NOXH	8	63,8	
120	DS2-815	C8-NOXH	8	63,8	
121	DS2-816	C8-NOXH	8	63,8	
122	DS2-817	C8-NOXH	8	63,8	
123	DS2-818	C8-NOXH	8	63,8	
124	DS2-819	C8-NOXH	8	63,8	
125	DS2-820	C8-NOXH	8	63,8	
126	DS2-821	A8-NOXH	8	69,7	
127	DS2-901	A9-NOXH	9	70,0	
128	DS2-902	G9-NOXH	9	36,3	
129	DS2-903	C9-NOXH	9	64,0	
130	DS2-904	C9-NOXH	9	64,0	
131	DS2-905	C9-NOXH	9	64,0	
132	DS2-906	F9-NOXH	9	47,1	
133	DS2-907	B9-NOXH	9	74,1	
134	DS2-908	A9-NOXH	9	70,0	
135	DS2-909	A9-NOXH	9	70,0	
136	DS2-910	C9-NOXH	9	64,0	

<b>STT</b>	<b>Mã căn</b>	<b>Loại căn hộ</b>	<b>Tầng số</b>	<b>Diện tích thông thủy (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
137	DS2-911	C9-NOXH	9	64,0	
138	DS2-912	E9-NOXH	9	54,0	
139	DS2-913	D9-NOXH	9	63,9	
140	DS2-914	C9-NOXH	9	64,0	
141	DS2-915	C9-NOXH	9	64,0	
142	DS2-916	C9-NOXH	9	64,0	
143	DS2-917	C9-NOXH	9	64,0	
144	DS2-918	C9-NOXH	9	64,0	
145	DS2-919	C9-NOXH	9	64,0	
146	DS2-920	C9-NOXH	9	64,0	
147	DS2-921	A9-NOXH	9	70,0	
148	DS2-1001	A10-NOXH	10	70,0	
149	DS2-1002	G10-NOXH	10	36,3	
150	DS2-1003	C10-NOXH	10	64,0	
151	DS2-1004	C10-NOXH	10	64,0	
152	DS2-1005	C10-NOXH	10	64,0	
153	DS2-1006	F10-NOXH	10	47,1	
154	DS2-1007	B10-NOXH	10	74,1	
155	DS2-1008	A10-NOXH	10	70,0	
156	DS2-1009	A10-NOXH	10	70,0	
157	DS2-1010	C10-NOXH	10	64,0	
158	DS2-1011	C10-NOXH	10	64,0	
159	DS2-1012	E10-NOXH	10	54,0	
160	DS2-1013	D10-NOXH	10	63,9	
161	DS2-1014	C10-NOXH	10	64,0	
162	DS2-1015	C10-NOXH	10	64,0	
163	DS2-1016	C10-NOXH	10	64,0	
164	DS2-1017	C10-NOXH	10	64,0	
165	DS2-1018	C10-NOXH	10	64,0	

<b>STT</b>	<b>Mã căn</b>	<b>Loại căn hộ</b>	<b>Tầng số</b>	<b>Diện tích thông thủy (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
166	DS2-1019	C10-NOXH	10	64,0	
167	DS2-1020	C10-NOXH	10	64,0	
168	DS2-1021	A10-NOXH	10	70,0	
169	DS2-1101	A11-NOXH	11	70,0	
170	DS2-1102	G11-NOXH	11	36,3	
171	DS2-1103	C11-NOXH	11	64,0	
172	DS2-1104	C11-NOXH	11	64,0	
173	DS2-1105	C11-NOXH	11	64,0	
174	DS2-1106	F11-NOXH	11	47,1	
175	DS2-1107	B11-NOXH	11	74,1	
176	DS2-1108	A11-NOXH	11	70,0	
177	DS2-1109	A11-NOXH	11	70,0	
178	DS2-1110	C11-NOXH	11	64,0	
179	DS2-1111	C11-NOXH	11	64,0	
180	DS2-1112	E11-NOXH	11	54,0	
181	DS2-1113	D11-NOXH	11	63,9	
182	DS2-1114	C11-NOXH	11	64,0	
183	DS2-1115	C11-NOXH	11	64,0	
184	DS2-1116	C11-NOXH	11	64,0	
185	DS2-1117	C11-NOXH	11	64,0	
186	DS2-1118	C11-NOXH	11	64,0	
187	DS2-1119	C11-NOXH	11	64,0	
188	DS2-1120	C11-NOXH	11	64,0	
189	DS2-1121	A11-NOXH	11	70,0	
190	DS2-1201	A12-NOXH	12	70,0	
191	DS2-1202	G12-NOXH	12	36,3	
192	DS2-1203	C12-NOXH	12	64,0	
193	DS2-1204	C12-NOXH	12	64,0	
194	DS2-1205	C12-NOXH	12	64,0	

<b>STT</b>	<b>Mã căn</b>	<b>Loại căn hộ</b>	<b>Tầng số</b>	<b>Diện tích thông thủy (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
195	DS2-1206	F12-NOXH	12	47,1	
196	DS2-1207	B12-NOXH	12	74,1	
197	DS2-1208	A12-NOXH	12	70,0	
198	DS2-1209	A12-NOXH	12	70,0	
199	DS2-1210	C12-NOXH	12	64,0	
200	DS2-1211	C12-NOXH	12	64,0	
201	DS2-1212	E12-NOXH	12	54,0	
202	DS2-1213	D12-NOXH	12	63,9	
203	DS2-1214	C12-NOXH	12	64,0	
204	DS2-1215	C12-NOXH	12	64,0	
205	DS2-1216	C12-NOXH	12	64,0	
206	DS2-1217	C12-NOXH	12	64,0	
207	DS2-1218	C12-NOXH	12	64,0	
208	DS2-1219	C12-NOXH	12	64,0	
209	DS2-1220	C12-NOXH	12	64,0	
210	DS2-1221	A12-NOXH	12	70,0	
211	DS2-1301	A13-NOXH	13	70,0	
212	DS2-1302	G13-NOXH	13	36,3	
213	DS2-1303	C13-NOXH	13	64,0	
214	DS2-1304	C13-NOXH	13	64,0	
215	DS2-1305	C13-NOXH	13	64,0	
216	DS2-1306	F13-NOXH	13	47,1	
217	DS2-1307	B13-NOXH	13	74,1	
218	DS2-1308	A13-NOXH	13	70,0	
219	DS2-1309	A13-NOXH	13	70,0	
220	DS2-1310	C13-NOXH	13	64,0	
221	DS2-1311	C13-NOXH	13	64,0	
222	DS2-1312	E13-NOXH	13	54,0	
223	DS2-1313	D13-NOXH	13	63,9	

<b>STT</b>	<b>Mã căn</b>	<b>Loại căn hộ</b>	<b>Tầng số</b>	<b>Diện tích thông thủy (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
224	DS2-1314	C13-NOXH	13	64,0	
225	DS2-1315	C13-NOXH	13	64,0	
226	DS2-1316	C13-NOXH	13	64,0	
227	DS2-1317	C13-NOXH	13	64,0	
228	DS2-1318	C13-NOXH	13	64,0	
229	DS2-1319	C13-NOXH	13	64,0	
230	DS2-1320	C13-NOXH	13	64,0	
231	DS2-1321	A13-NOXH	13	70,0	
232	DS2-1401	A14-NOXH	14	70,0	
233	DS2-1402	G14-NOXH	14	36,3	
234	DS2-1403	C14-NOXH	14	64,0	
235	DS2-1404	C14-NOXH	14	64,0	
236	DS2-1405	C14-NOXH	14	64,0	
237	DS2-1406	F14-NOXH	14	47,1	
238	DS2-1407	B14-NOXH	14	74,1	
239	DS2-1408	A14-NOXH	14	70,0	
240	DS2-1409	A14-NOXH	14	70,0	
241	DS2-1410	C14-NOXH	14	64,0	
242	DS2-1411	C14-NOXH	14	64,0	
243	DS2-1412	E14-NOXH	14	54,0	
244	DS2-1413	D14-NOXH	14	63,9	
245	DS2-1414	C14-NOXH	14	64,0	
246	DS2-1415	C14-NOXH	14	64,0	
247	DS2-1416	C14-NOXH	14	64,0	
248	DS2-1417	C14-NOXH	14	64,0	
249	DS2-1418	C14-NOXH	14	64,0	
250	DS2-1419	C14-NOXH	14	64,0	
251	DS2-1420	C14-NOXH	14	64,0	
252	DS2-1421	A14-NOXH	14	70,0	

STT	Mã căn	Loại căn hộ	Tầng số	Diện tích thông thủy (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
253	DS2-1501	A15-NOXH	15	70,0	
254	DS2-1502	G15-NOXH	15	36,3	
255	DS2-1503	C15-NOXH	15	64,0	
256	DS2-1504	C15-NOXH	15	64,0	
257	DS2-1505	C15-NOXH	15	64,0	
258	DS2-1506	F15-NOXH	15	47,1	
259	DS2-1507	B15-NOXH	15	74,1	
260	DS2-1508	A15-NOXH	15	70,0	
261	DS2-1509	A15-NOXH	15	70,0	
262	DS2-1510	C15-NOXH	15	64,0	
263	DS2-1511	C15-NOXH	15	64,0	
264	DS2-1512	E15-NOXH	15	54,0	
265	DS2-1513	D15-NOXH	15	63,9	
266	DS2-1514	C15-NOXH	15	64,0	
267	DS2-1515	C15-NOXH	15	64,0	
268	DS2-1516	C15-NOXH	15	64,0	
269	DS2-1517	C15-NOXH	15	64,0	
270	DS2-1518	C15-NOXH	15	64,0	
271	DS2-1519	C15-NOXH	15	64,0	
272	DS2-1520	C15-NOXH	15	64,0	
273	DS2-1521	A15-NOXH	15	70,0	

**Tổng số: 273 căn**